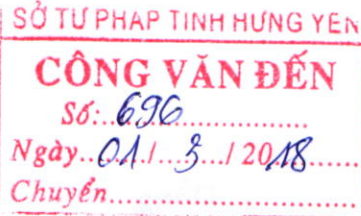


Số: 11 /2018/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 28 tháng 02 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định giá dịch vụ sử dụng đò, phà ngang sông
trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa dịch vụ;

Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải và Sở Tài chính tại Tờ trình số 298/TTLN: SGTVT-TC ngày 07/02/2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về giá dịch vụ sử dụng đò, phà ngang sông trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức, cá nhân được cung ứng dịch vụ sử dụng đò, phà ngang sông và các tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ sử dụng đò, phà ngang sông trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 3. Mức giá dịch vụ sử dụng đò, phà ngang sông (đã bao gồm thuế GTGT)

1. Tại các bến đò, phà ngang sông được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, khung giá dịch vụ sử dụng đò, phà ngang sông như sau:

a) Giá dịch vụ sử dụng phà ngang sông

ĐVT: Đồng/lượt

STT	Đối tượng thu	Khung giá dịch vụ	
		Tối thiểu	Tối đa
1	Người đi bộ	2.000	3.000
2	01 người + 01 xe đạp hoặc 01 xe đạp điện	3.000	4.000
3	01 người + 01 xe máy hoặc 01 xe máy điện	7.000	8.000
4	Xe ô tô chở người đến 9 chỗ ngồi	25.000	30.000
5	Xe ô tô chở người từ 10 đến 30 chỗ ngồi	30.000	35.000
6	Xe ô tô chở người trên 30 chỗ ngồi	35.000	40.000
7	Xe ô tô tải dưới 1,5 tấn	30.000	35.000
8	Xe ô tô tải từ 1,5 đến đến 3,5 tấn	40.000	45.000
9	Xe ô tô tải từ trên 3,5 đến 5 tấn	45.000	50.000
10	Xe ô tô tải từ trên 5 đến 10 tấn	60.000	65.000
11	Xe ô tô tải trên 10 tấn	100.000	120.000
12	Trâu, bò, bê, nghé	5.000	6.000

b) Giá dịch vụ sử dụng đò ngang sông

ĐVT: Đồng/lượt

STT	Đối tượng thu	Khung giá dịch vụ	
		Tối thiểu	Tối đa
1	Người đi bộ	1.000	2.000
2	01 người + 01 xe đạp hoặc 01 xe đạp điện	2.000	3.000
3	01 người + 01 xe máy hoặc 01 xe máy điện	4.000	5.000
4	Người + hàng hóa từ 50kg trở xuống	5.000	6.000

2. Tại bến đò, phà ngang sông được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước:

Chủ đầu tư căn cứ hướng dẫn tại Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ, xây dựng và quyết định mức giá cụ thể sử dụng dịch vụ đò, phà ngang sông nhưng mức giá tối đa không quá 2 lần mức giá tối đa của khung giá dịch vụ được quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 4. Trách nhiệm của đơn vị thu

1. Đơn vị thu tại các bến đò, phà ngang sông được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước có trách nhiệm niêm yết hoặc công khai mức thu cụ thể phù hợp với mức thu trong khung giá tại Khoản 1, Điều 3 Quyết định này. Khi thu phải cấp chứng từ thu cho đối tượng nộp.

2. Đơn vị thu tại các bến đò, phà ngang sông được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước có trách nhiệm niêm yết hoặc công khai mức thu cụ thể theo quy định tại Khoản 2, Điều 3 Quyết định này. Khi thu phải cấp chứng từ thu cho đối tượng nộp.

Điều 5. Quản lý, sử dụng số tiền thu được

Số tiền thu được là doanh thu của tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ sử dụng đò, phà ngang sông. Tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ sử dụng đò, phà ngang sông có trách nhiệm kê khai, nộp thuế theo quy định.

Điều 6. Chứng từ thu

Đơn vị thu sử dụng chứng từ thu theo quy định hiện hành.

Điều 7. Xử lý vi phạm

Các trường hợp vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định hiện hành.

Điều 8. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Hưng Yên; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15/3/2018.

2. Quyết định số 06/2012/QĐ-UBND ngày 16/8/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc quy định mức thu phí qua phà trên địa bàn tỉnh Hưng Yên hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư Pháp (Cục Kiểm tra VB QPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Sở Tư pháp (02 bản);
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn (UBND các huyện, thành phố sao gửi);
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lưu: VT; CV: TH^C.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Phóng

Nguyễn Văn Phóng